

Số: 97 /2026/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 20 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác
bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước số 10/2017/QH14;

*Căn cứ Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường
của Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính
phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong
lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;*

*Căn cứ Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ
quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về
công tác bồi thường nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực
hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương
02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 167/TTr-STP ngày 11
tháng 5 năm 2026;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp thực hiện
công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện công
tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 31 tháng 5 năm 2026.
2. Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan thuộc Trung ương được tổ chức theo ngành dọc tại tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Cục ĐKGDBĐ và BTNN - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh Ủy; TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC (Tâm-378), M.A1082/5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện một số hoạt động quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Các nội dung khác không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường nhà nước và các quy định khác có liên quan.

2. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Xác định trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình giải quyết vụ việc yêu cầu bồi thường nhà nước; đảm bảo giải quyết vụ việc yêu cầu bồi thường nhà nước kịp thời, công khai, minh bạch, khách quan, trung thực, đúng pháp luật.

4. Công tác phối hợp dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan, đơn vị và quy định của pháp luật; hợp tác, hỗ trợ để thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định; không làm ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan, đơn vị và quyền lợi của tổ chức, cá nhân.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Phối hợp bằng văn bản, thư điện tử (Email).

2. Tổ chức các cuộc họp, hội nghị, sơ kết, tổng kết.

3. Thành lập Đoàn công tác liên ngành kiểm tra, khảo sát liên quan đến công tác bồi thường nhà nước.

4. Các hình thức khác phù hợp theo quy định của pháp luật.

Chương II **NỘI DUNG PHỐI HỢP**

Điều 5. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch hằng năm về công tác bồi thường nhà nước

1. Hằng năm, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và hướng dẫn của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Căn cứ kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị ban hành kế hoạch công tác bồi thường nhà nước hoặc lồng ghép trong kế hoạch công tác hằng năm để tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 6. Bố trí, phân công cán bộ, công chức, viên chức đầu mối phụ trách công tác bồi thường nhà nước

1. Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bố trí cán bộ, công chức, viên chức làm đầu mối tham mưu, giúp thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện công tác bồi thường nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức, viên chức được phân công làm đầu mối có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp trong việc theo dõi, hướng dẫn, tham mưu giải quyết vụ việc bồi thường nhà nước; tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện công tác bồi thường nhà nước tại cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định. Việc phân công đầu mối phải bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và thông báo bằng văn bản về Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

Điều 7. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn về công tác bồi thường nhà nước

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn về công tác bồi thường nhà nước cho cán bộ, công chức, viên chức được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác bồi thường nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Công an tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh tập huấn nghiệp vụ, bồi dưỡng kỹ năng về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động tố tụng, thi hành án cho cán bộ, công chức, viên chức được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác bồi thường nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng do Sở Tư pháp tổ chức; chủ động tổ chức phổ biến, quán triệt các quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong phạm vi quản lý.

Điều 8. Xác định cơ quan giải quyết bồi thường nhà nước

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xác định cơ quan giải quyết bồi thường trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 32, Điều 33 của Nghị định số 68/2018/NĐ-CP. Tổ chức hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để xác định cơ quan giải quyết bồi thường theo quy định tại khoản 3 Điều 32 của Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

2. Cơ quan, đơn vị quản lý người thi hành công vụ có liên quan đơn yêu cầu giải quyết bồi thường có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp và cơ quan, đơn vị liên quan trong thực hiện xác định cơ quan giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước theo quy định tại Điều 6; hỗ trợ người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 4; khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 09/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước và Thông tư 08/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước; Điều 18 của Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, thi hành án dân sự hướng dẫn, hỗ trợ người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính và thi hành án dân sự;

b) Chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Công an tỉnh hướng dẫn, hỗ trợ người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước trong hoạt động tố tụng và thi hành án hình sự.

2. Các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện hướng dẫn, hỗ trợ người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước theo khoản 1 Điều này.

Điều 10. Theo dõi, đôn đốc thực hiện công tác bồi thường nhà nước

1. Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng theo dõi, đôn đốc việc thi hành pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thực hiện quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; kịp thời phát hiện, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

3. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp trong việc cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu và báo cáo tình hình thực hiện công tác bồi thường nhà nước khi có yêu cầu.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời đến Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

5. Định kỳ hoặc đột xuất, Sở Tư pháp tổng hợp tình hình thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp theo quy định.

Điều 11. Xác minh thiệt hại, thương lượng việc bồi thường, chi trả tiền bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại

1. Cơ quan giải quyết bồi thường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện xác minh thiệt hại theo quy định tại Điều 14 của Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

2. Cơ quan giải quyết bồi thường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức bồi thường lượng theo quy định tại khoản 3, 4, 6, 7 Điều 46 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. Nội dung thương lượng thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 46 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.

3. Việc chi trả tiền bồi thường được thực hiện theo quyết định giải quyết bồi thường hoặc bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Cơ quan giải quyết bồi thường có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện thủ tục cấp và chi trả kinh phí bồi thường theo quy định của pháp luật.

4. Việc xem xét trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại của các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

Điều 12. Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong công tác bồi thường nhà nước

1. Kiểm tra công tác bồi thường nhà nước được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất khi có căn cứ theo quy định của Luật số 10/2017/QH14. Nội dung, căn cứ và trình tự thủ tục kiểm tra thực hiện theo quy định tại Mục 4 Chương II Thông tư số 08/2019/TT-BTP và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức kiểm tra công tác bồi thường nhà nước trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý; phối hợp cử cán bộ, công chức, viên chức có thẩm quyền và trình độ chuyên môn tham gia đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra công tác bồi thường nhà nước theo đề nghị của cơ quan chủ trì, cung cấp thông tin, tài liệu cho cơ quan chủ trì tổ chức kiểm tra khi được yêu cầu.

3. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm theo quy định pháp luật về khiếu nại, tố cáo và pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Điều 13. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm về việc thực hiện trách nhiệm hoàn trả trong phạm vi do mình quản lý

1. Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm hoàn trả theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp phát hiện người thi hành công vụ gây thiệt hại không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm hoàn trả theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì cơ quan, đơn vị quản lý có trách nhiệm kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu phục vụ việc xem xét, xử lý vi phạm trong việc thực hiện trách nhiệm hoàn trả.

Điều 14. Gửi các văn bản và tài liệu liên quan giải quyết yêu cầu bồi thường nhà nước và xác định trách nhiệm hoàn trả về Sở Tư pháp

Trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường nhà nước và xác định trách nhiệm hoàn trả, cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm gửi các văn bản và tài liệu liên quan về Sở Tư pháp bằng hình thức văn bản giấy và thông qua hệ thống quản lý văn bản điện tử của tỉnh theo quy định tại Điều 12 của Thông tư số 08/2019/TT-BTP, cụ thể:

1. Bản án, quyết định về giải quyết yêu cầu bồi thường.
2. Thông báo thụ lý hồ sơ; Thông báo không thụ lý hồ sơ; Văn bản cử người giải quyết bồi thường.
3. Quyết định hủy, sửa chữa, bổ sung quyết định giải quyết bồi thường.
4. Quyết định hoãn giải quyết bồi thường.
5. Quyết định tạm đình chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường.
6. Quyết định đình chỉ giải quyết bồi thường.
7. Quyết định hoàn trả.

Điều 15. Phản hồi ý kiến theo đề nghị của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp và các cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định

1. Khi nhận được văn bản đề nghị cung cấp thông tin, tài liệu, cho ý kiến hoặc phối hợp xử lý vụ việc bồi thường nhà nước của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp hoặc cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan có trách nhiệm nghiên cứu, tổng hợp và thực hiện việc phản hồi theo nội dung được đề nghị.

2. Nội dung phản hồi phải bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời; nêu rõ quan điểm của cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với các vấn đề được đề nghị; đồng thời cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan phục vụ việc xem xét, giải quyết vụ việc bồi thường nhà nước theo quy định.

3. Việc phản hồi được thực hiện bằng văn bản và gửi đến cơ quan, người có thẩm quyền đã có văn bản đề nghị; trường hợp cần thiết có thể trao đổi, phối hợp thông qua hình thức làm việc trực tiếp hoặc các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án có nội dung giải quyết bồi thường theo quy định. Yêu cầu Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại hủy quyết định giải quyết bồi thường trong trường hợp có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 48 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 mà không ra quyết định hủy

1. Trong quá trình theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra công tác bồi thường nhà nước, khi phát hiện bản án, quyết định của Tòa án có nội dung giải quyết bồi thường nhà nước có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc không phù hợp với quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 và các văn bản có liên quan, Sở Tư pháp có trách nhiệm rà soát, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị người có thẩm quyền xem xét kháng nghị theo quy định của pháp luật về tố tụng.

2. Trường hợp quyết định giải quyết bồi thường đã được ban hành nhưng thuộc một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 48 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 mà Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại không ban hành quyết định hủy theo quy định, Sở Tư pháp có trách nhiệm rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản yêu cầu Thủ trưởng cơ quan đó thực hiện việc hủy quyết định giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận được văn bản kiến nghị hoặc yêu cầu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có trách nhiệm xem xét, xử lý theo thẩm quyền và báo cáo kết quả bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) theo quy định.

Điều 17. Báo cáo, thống kê về công tác bồi thường nhà nước

1. Sở Tư pháp chủ trì, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, thống kê về công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh gửi Bộ Tư pháp trước ngày 08 tháng 12 của năm báo cáo (đối với báo cáo năm), trước ngày 31 tháng 01 năm sau (đối với báo cáo năm chính thức).

2. Các cơ quan, đơn vị báo cáo, thống kê việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước gửi Sở Tư pháp trước ngày 15 tháng 11 của năm báo cáo (đối với báo cáo năm), trước ngày 10 tháng 01 năm sau (đối với báo cáo năm chính thức).

3. Nội dung báo cáo việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước theo quy định tại Điều 24, Điều 25 của Thông tư số 08/2019/TT-BTP.

4. Báo cáo việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước được thể hiện dưới hình thức văn bản điện tử. Việc gửi báo cáo được thực hiện theo đề nghị của cơ quan yêu cầu báo cáo bằng một trong các phương thức sau: Gửi trực tiếp; gửi qua dịch vụ bưu chính; gửi qua hệ thống thư điện tử của cơ quan báo cáo và báo cáo phải có chữ ký số hoặc xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG PHỐI HỢP THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ GIẢI QUYẾT YÊU CẦU BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng và thi hành án trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện kiến nghị, yêu cầu người có thẩm quyền thực hiện công tác bồi thường nhà nước trong một số trường hợp cụ thể quy định tại khoản 2 Điều 28, khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 30 của Thông tư số 08/2019/TT-BTP.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, Sở Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí dự toán, quyết toán kinh phí hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Thực hiện cấp phát kinh phí bồi thường, chi trả tiền bồi thường và thực hiện quyết toán kinh phí bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Công an tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động tổ tụng và thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo thẩm quyền.

2. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Công an tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh tổ chức quản lý, triển khai công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động tổ tụng và thi hành án dân sự trong hệ thống Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Công an và Thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật và theo chỉ đạo, hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cục Quản lý thi hành án dân sự và Quy chế này.

Điều 21. Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội tỉnh

1. Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện công tác quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động bảo hiểm xã hội trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Phối hợp thực hiện thủ tục thu tiền hoàn trả trong trường hợp người thi hành công vụ gây thiệt hại đã nghỉ hưu, nghỉ việc theo quy định.

3. Tham gia Hội đồng xem xét trách nhiệm hoàn trả với tư cách là cơ quan chi trả lương hưu cho người thi hành công vụ trong trường hợp người đó đã nghỉ hưu.

Điều 22. Trách nhiệm của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Hằng năm, căn cứ Kế hoạch công tác bồi thường nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh và tình hình thực tế, chủ động ban hành Kế hoạch công tác bồi thường nhà nước hoặc lồng ghép trong Kế hoạch công tác năm của cơ quan, đơn vị.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan cung cấp tài liệu, chứng cứ làm cơ sở cho việc xác minh thiệt hại, đề nghị định giá tài sản, giải quyết thiệt hại hoặc lấy ý kiến của cá nhân, tổ chức có liên quan về thiệt hại, mức bồi thường.

Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Hằng năm, căn cứ Kế hoạch công tác bồi thường nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh và tình hình thực tế, chủ động ban hành Kế hoạch công tác bồi thường nhà nước hoặc lồng ghép trong Kế hoạch công tác Tư pháp của địa phương.

2. Thực hiện công tác giải quyết bồi thường trong trường hợp có hành vi gây thiệt hại theo quy định tại khoản 2 Điều 19, Điều 20 của Nghị định số 120/2025/NĐ-CP; xem xét trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả theo thẩm quyền.

3. Chỉ đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện giải quyết bồi thường, xem xét trách nhiệm hoàn trả theo đúng quy định. Bố trí ngân sách cho công tác bồi thường nhà nước thuộc phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền của mình theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã giao Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân làm đầu mối tham mưu, tổng hợp, thống kê, báo cáo về công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn theo quy định.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Triển khai thực hiện

1. Sở Tư pháp chịu trách nhiệm chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

Điều 25. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này, nếu có vấn đề phát sinh hoặc có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh bằng văn bản gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp với tình hình thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành.